

Số: 21 /2023/NQ-HĐND

Đà Nẵng, ngày 19 tháng 7 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức thu, đối tượng thu, nộp, chế độ quản lý, sử dụng
phí thẩm định hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
trên địa bàn thành phố Đà Nẵng**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
KHÓA X, NHIỆM KỲ 2021-2026 KỲ HỌP THỨ 12**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật
Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản
quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và
lệ phí;*

*Căn cứ Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT ngày 20 tháng 7 năm 2017 của
Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về định mức kinh tế kỹ thuật đo đạc, lập
bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính,
cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác
gắn liền với đất;*

*Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ
Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng
nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;*

*Căn cứ Thông tư 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ
Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-
BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền
quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;*

*Xét Tờ trình số 65/TTr-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân
dân thành phố về việc quy định mức thu, đối tượng thu, nộp, chế độ quản lý, sử*

dụng phí thẩm định hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn thành phố Đà Nẵng; Báo cáo thẩm tra số 217/BC-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố và ý kiến thảo luận của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, chế độ quản lý và sử dụng phí thẩm định hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, cụ thể như sau:

1. Đối tượng nộp phí

Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất theo quy định được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định hồ sơ để thực hiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất (bao gồm cấp, cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận và chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp).

2. Đối tượng miễn nộp phí

- a) Người có công với cách mạng theo quy định của pháp luật.
- b) Các hộ nghèo theo chuẩn nghèo của thành phố.
- c) Người khuyết tật.
- d) Các hộ dân giải tỏa được bố trí đất tái định cư theo quy định.

3. Mức thu phí

Mức thu phí chi tiết tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết.

4. Cơ quan thu phí

Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Đà Nẵng và Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tại các quận, huyện.

5. Chế độ thu, nộp và quản lý, sử dụng tiền thu phí

a) Chế độ thu, nộp

Thực hiện theo quy định tại Luật Phí và lệ phí, Luật Quản lý thuế và các văn bản chi tiết, hướng dẫn thi hành.

b) Chế độ quản lý và sử dụng

Cơ quan thu phí được để lại 82% trong tổng số tiền phí thu được để trang trải chi phí phục vụ công tác thẩm định và thu phí theo quy định tại Nghị định số 120/2016/NĐ-CP của Chính phủ. Số còn lại 18% nộp vào ngân sách thành phố theo chương, mục, tiểu mục tương ứng của Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

Điều 2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 48/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng quy định mức

thu, đối tượng thu, nộp, chế độ quản lý, sử dụng phí thẩm định hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố phối hợp giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này đạt kết quả tốt.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố khóa X, nhiệm kỳ 2021-2026, Kỳ họp thứ 12 thông qua ngày 19 tháng 7 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2023. ✓

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chủ tịch nước;
- Vụ Pháp chế: Bộ TN&MT; Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Thành ủy;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Thành ủy;
- Đoàn ĐBQH thành phố;
- Thường trực HĐND thành phố;
- UBND, UBMTTQVN thành phố;
- Các Ban của HĐND thành phố;
- Đại biểu HĐND thành phố;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND thành phố;
- Văn phòng UBND thành phố;
- Các sở, ngành, đoàn thể thành phố;
- Các quận ủy, huyện ủy; UBND, UBMTTQVN các quận, huyện; HĐND huyện Hòa Vang;
- Đảng ủy, UBND các phường, xã; HĐND các xã;
- Báo Đà Nẵng, Chuyên đề CA TPĐN, Đài PT-TH ĐN, Trung tâm THVN (VTV8), Công TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, CTHĐ.

CHỦ TỊCH



Lương Nguyễn Minh Triết



Phụ lục
MỨC THU PHÍ THẨM ĐỊNH HỒ SƠ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 21 /2023/NQ-HĐND ngày 3 tháng 7 năm 2023
của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng)

Đvt: Đồng/hồ sơ

STT	LOẠI HỒ SƠ	MỨC THU	
		Hộ gia đình, cá nhân	Tổ chức
I	CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN LẦN ĐẦU		
1	Đăng ký cấp Giấy chứng nhận đối với đất	250.000	500.000
2	Đăng ký cấp Giấy chứng nhận đối với tài sản	250.000	500.000
3	Đăng ký cấp Giấy chứng nhận đối với đất và tài sản	250.000	650.000
II	CẤP ĐỔI, CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN		
1	Đăng ký cấp Giấy chứng nhận đối với đất	150.000	280.000
2	Đăng ký cấp Giấy chứng nhận đối với tài sản	150.000	280.000
3	Đăng ký cấp Giấy chứng nhận đối với đất và tài sản	190.000	360.000
III	CHỨNG NHẬN BIẾN ĐỘNG VÀO GIẤY CHỨNG NHẬN ĐÃ CẤP		
1	Chứng nhận biến động đối với đất	250.000	850.000
2	Chứng nhận biến động đối với tài sản	250.000	850.000
3	Chứng nhận biến động đối với đất và tài sản	400.000	1.000.000